ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1581/QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày 03 tháng 10 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành công trình Đường Kéo Cọ - Pò Nhàng, huyện Lộc Bình (đoạn Km0 - Km4+500), thuộc dự án Đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (dự án LRAMP)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo kết quả thẩm tra và đề nghị phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành số 463/BC-STC ngày 30/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành

1.Tên công trình: Đường Kéo Cọ - Pò Nhàng, huyện Lộc Bình (đoạn Km0 - Km4+500), thuộc dự án Đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (dự án LRAMP)

2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý xây dựng và bảo trì hạ tầng giao thông.

3. Địa điểm xây dựng: huyện Lộc Bình, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn..

4. Thời gian khởi công: tháng 12/2022; thời gian hoàn thành: tháng 5/2023.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị quyết toán được phê duyệt
Tổng số		**12.000.000.000**	**11.711.726.000**

1	Chi phí giải phóng mặt bằng	309.551.000	193.373.000
2	Xây dựng	10.135.027.000	10.135.027.000
3	Quản lý dự án	270.156.000	270.156.000
4	Tư vấn	890.786.000	890.787.000
5	Chi phí khác	322.497.000	222.383.000
6	Chi phí dự phòng	71.983.000	0

2. Vốn đầu tư

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng dự toán được duyệt	Thực hiện			
			Giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị được quyết toán	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được duyệt
1	2	3	4	5	6=4-5	7
Tổng số		**12.000.000.000**	**11.711.726.000**	**11.580.941.000**	**130.785.000**	**0**
1	Nguồn vốn đầu tư công:	12.000.000.000	11.711.726.000	11.580.941.000	130.785.000	0
1.1	Vốn vay ODA (WB):	12.000.000.000	10.038.860.000	9.977.402.000	61.458.000	0
-	Vốn ODA (WB) trung ương cấp phát		9.034.974.000	8.979.661.800	55.312.200	0
-	Vốn ODA (WB) địa phương vay lại		1.003.886.000	997.740.200	6.145.800	0
1.2	Vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh:		1.672.866.000	1.603.539.000	69.327.000	0
2	Nguồn vốn khác:	0	0	0	0	0

3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
		Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi (nếu có)
Tổng số		**0**		**11.711.726.000**	
1	Tài sản dài hạn (tài sản cố định)	0		11.711.726.000	
2	Tài sản ngắn hạn	0			

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: không.

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: không.

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư

1.1. Được phép tất toán chi phí và vốn đầu tư là

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
Tổng số		**11.711.726.000**	
1	Nguồn vốn đầu tư công:	11.711.726.000	
1.1	Vốn vay ODA (WB):	10.038.860.000	
-	*Vốn ODA (WB) trung ương cấp phát*	*9.034.974.000*	
-	*Vốn ODA (WB) địa phương vay lại*	*1.003.886.000*	
1.2	Vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh:	1.672.866.000	
2	Nguồn vốn khác:	0	

1.2. Các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết toán:

- Tổng phải thu: 0 đồng;
- Tổng nợ phải trả: 130.785.000 đồng.

(Chi tiết các khoản công nợ tại Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này)

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản.

2.1. Được phép ghi tăng tài sản

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
1	UBND huyện Lộc Bình	11.711.726.000	0

2.2. Thực hiện quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Lạng Sơn; Chủ tịch UBND các huyện: Lộc Bình, Đình Lập và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Các PCVP UBND tỉnh, Phòng TH, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT(CVĐ).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lương Trọng Quỳnh